

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM
NĂM 2019



CÔNG TY CP CAFICO VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 05 / 2020 /HDQT-CFC

Cam Ranh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

Năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Cafico Việt Nam**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4200464415 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001; đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 09 tháng 01 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 24.436.800.000 đồng (*Hai mươi bốn tỷ, bốn trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: (*không*)
- Địa chỉ: Số 35 đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Số điện thoại: (0258) 3854312. Website: www.cafico.vn
- Mã cổ phiếu : **CFC**
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày thành lập:
Thành lập lần đầu ngày 17/1/1984, theo Quyết định số 91/UB-TC của UBND tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa).
Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 372-QĐ/UB, ngày 26/02/1993 của UBND tỉnh Khánh Hòa.
Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 797/QĐ-TTg, ngày 02/07/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Chính thức hoạt động theo công ty cổ phần từ ngày 01/11/2001.
 - + Thời điểm niêm yết: Ngày niêm yết và bắt đầu đăng ký giao dịch: 24/06/2009. Sàn đăng ký giao dịch UPCOM.
- Các sự kiện khác:
Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 2, ngày 27/4/2007, đổi tên công ty từ Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh thành Công ty cổ phần Cafico Việt Nam;

Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 15/10/2008, thay đổi vốn điều lệ thành 16.291.200.000 đồng;

Đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 13/5/2009, thay đổi số đăng ký kinh doanh đồng nhất với mã số thuế 4200464415;

Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 11/11/2009, đăng ký các đơn vị trực thuộc Công ty;

Đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 05/04/2010, thay đổi tên tiếng Anh của Công ty “Cafico Vietnam joint stock company” thành “Cafico Vietnam corporation”;

Đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 24/09/2010, đăng ký văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh;

Đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 20/01/2011, thay đổi tên địa phương thị xã Cam Ranh thành thành phố Cam Ranh;

Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 07/06/2011, thay đổi vốn điều lệ thành 24.436.800.000 đồng;

Đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 20/10/2011, thay đổi số nhà của trụ sở chính Công ty (số cũ 09, số mới 35 đường Nguyễn Trọng Kỳ);

Đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 12/04/2012, thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty (Tổng giám đốc thành Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 09/01/2017, thay đổi loại giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Công ty (Giấy CMND số 024335410 của ông Nguyễn Quang Tuyến, Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay bằng Thẻ căn cước công dân số 060062000022).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:

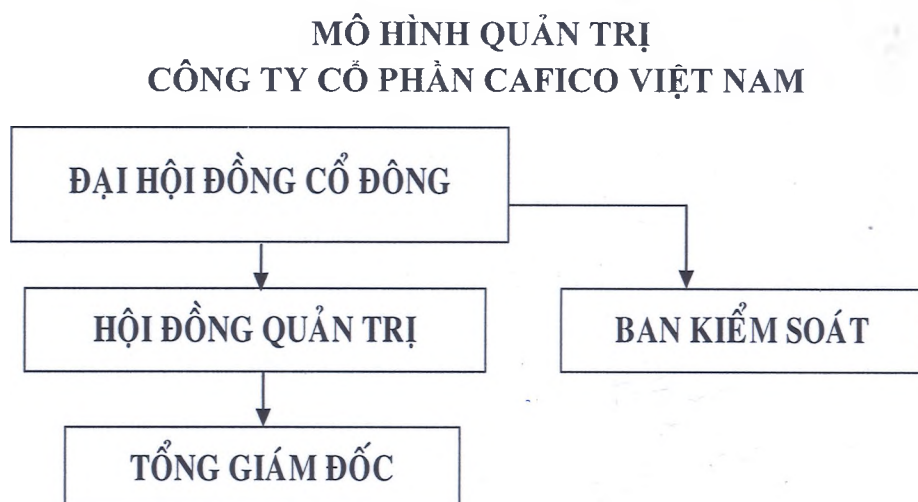
Chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu;

Sản xuất và kinh doanh nước đá.

- Địa bàn kinh doanh: thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

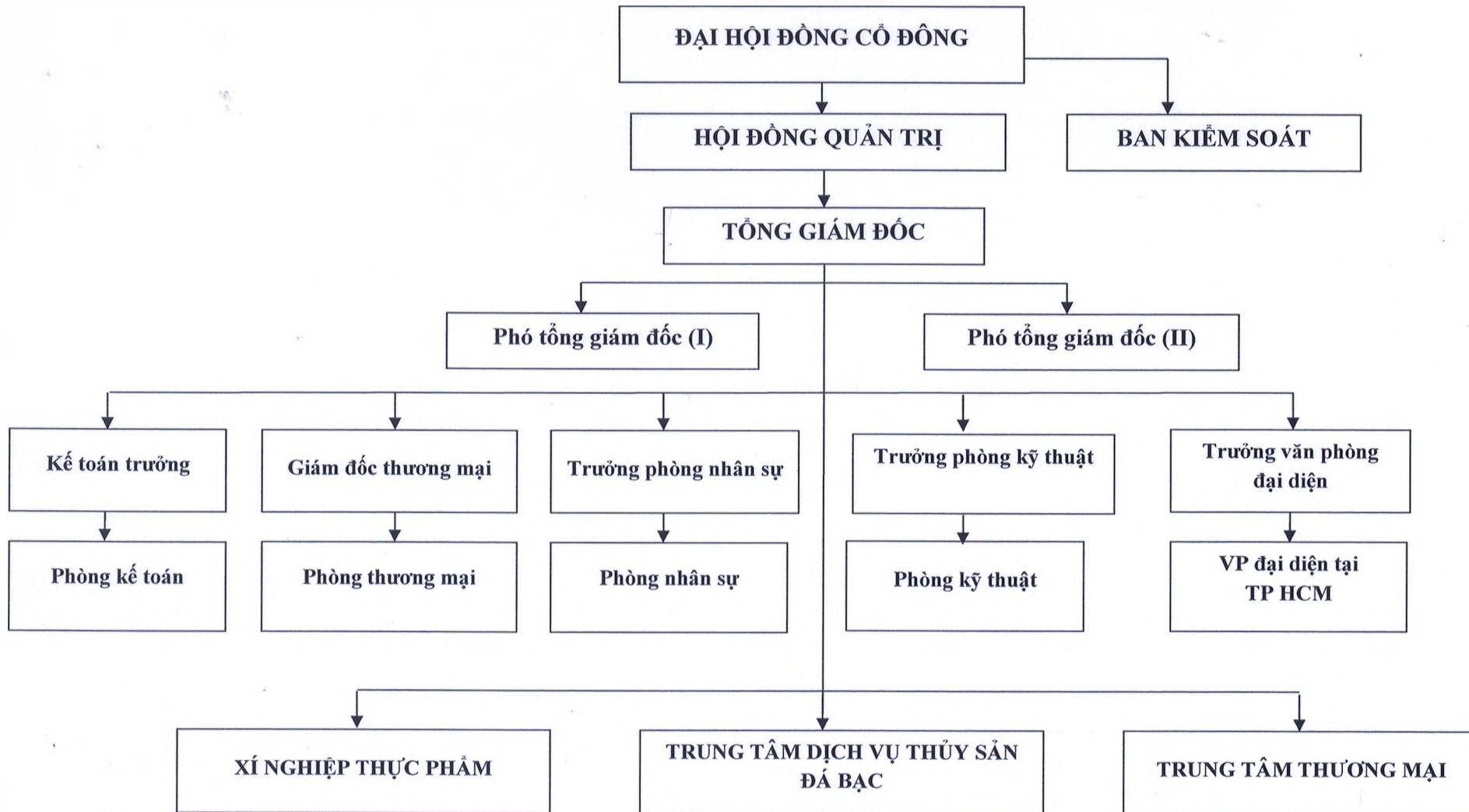
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị công ty:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM**



- Các công ty con, công ty liên kết: (Không có)

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2020:

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

Tổng doanh thu	:	100 Tỷ đồng.
Giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu	:	5 Triệu USD
Trong đó, giá trị kim ngạch xuất khẩu	:	3,4 Triệu USD
Lợi nhuận (trước thuế TNDN)	:	3 Tỷ đồng
Cổ tức	:	> 10% vốn điều lệ

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp chế biến thủy sản, có chọn lọc mặt hàng theo nhu cầu thị trường tiêu thụ và tình hình nguyên liệu. Sắp xếp, bố trí lại và đầu tư hợp lý cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị nhằm bảo đảm ổn định, duy trì mức sản xuất hợp lý và hiệu quả, đồng thời tăng cường tích lũy về lượng để có thể phát triển nhanh hơn, biến đổi về chất vào những năm sau 2020.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

Đầu tư ở quy mô hợp lý nhằm hợp lý hóa sản xuất, duy trì ổn định sản xuất: đầu tư ổn định, nâng cấp cho sản xuất, chế biến thủy sản; duy trì ở mức độ hợp lý việc kinh doanh mặt hàng nước đá cây; tiếp tục duy trì kinh doanh dịch vụ, thương mại tại mặt bằng khu vực Trung tâm thương mại hiện nay.

Giá trị Kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt từ 5,2 triệu USD/năm. (tăng bình quân 5%/năm); trong đó Kim ngạch xuất khẩu phấn đấu đạt bình quân hàng năm 3,5 triệu USD trở lên.

Duy trì và bảo đảm mức cổ tức (tối thiểu) 10% mệnh giá/ năm (theo vốn điều lệ).

Tiếp tục nghiên cứu thị trường, khi có điều kiện thuận lợi Công ty sẽ đầu tư vào các lĩnh vực như dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn và lắp đặt các công trình điện lạnh công nghiệp và dân dụng, thực hiện kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Công ty:

Hệ thống xử lý nước thải đã đầu tư nâng cấp năm 2013, hiện nay bảo đảm tốt cho hoạt động sản xuất chế biến thủy sản của công ty, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Đối với trách nhiệm xã hội và cộng đồng, Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhằm bảo đảm việc làm và đời sống của người lao động liên tục trong năm, để ổn định được cuộc sống gia đình, yên tâm làm việc; đồng thời cũng là mục tiêu quan trọng trong việc góp phần vào nhiệm vụ bảo đảm việc làm cho lực lượng lao động ở địa phương Cam Ranh.

5. Các rủi ro:

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có liên quan đến công tác xuất, nhập khẩu. Những rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh xuất, nhập khẩu nhiều và đa dạng. Tùy theo mức độ, rủi ro có thể gây ra những thiệt hại về tài chính. Vì vậy Công ty đã có những giải pháp song song với những quyết định trong kinh doanh. Tất cả các công việc được tiến hành nhằm hạn chế các rủi ro hoặc giảm thiểu mức tổn thất thấp nhất do rủi ro mang lại.

Trong hoạt động kinh doanh, có nhiều rủi ro trong đó một số rủi ro chính Công ty đặc biệt quan tâm là :

- Rủi ro về kinh tế :

+ Rủi ro về sự biến động của giá và sản lượng nguyên liệu thu mua: Đối với doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu thủy sản, việc giá thu mua biến động là một trong những rủi ro dễ gặp phải và gây ra những tác động vô cùng xấu. Giá trong thời điểm Công ty ký hợp đồng xuất khẩu với đối tác và giá khi thu mua thường biến động rất nhiều.

Để hạn chế rủi ro trên, lãnh đạo Công ty có những dự đoán về thị trường trong tương lai để có những chính sách về giá, phương pháp thu mua nguyên liệu trong hiện tại. Ngoài ra, Công ty quản lý chặt chẽ trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh, từ việc hoạch định, tìm nguồn hàng, người cung cấp... cho đến việc nắm rõ đối thủ cạnh tranh, từ đó có những giải pháp tích cực trong công tác thu mua.

Sản lượng thu mua thủy sản chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu, mùa vụ đánh bắt trong nước và trên thế giới. Việc đánh bắt thủy sản mang tính thời vụ rất cao và giá nguyên liệu tại các thời điểm trong năm cũng khác nhau. Ngoài ra, giá nguyên liệu trên thế giới ảnh hưởng mạnh đến giá xuất khẩu thành phẩm. Đây là tính chất đặc thù của ngành thủy sản. Trong điều kiện không ổn định, việc mua nguyên liệu dự trữ để đảm bảo sản xuất nhằm ổn định sản xuất và có lợi nhuận trong tương lai. Tìm kiếm lợi nhuận càng lớn, đồng nghĩa với việc phải đối mặt với rủi ro càng nhiều. Vì vậy, lãnh đạo Công ty luôn cân nhắc, xem xét nhiều yếu tố, tính toán để quyết định giá mua nguyên liệu mang tính cạnh tranh trong từng thời điểm, đồng thời ký các hợp đồng ngoại thương trong thời gian ngắn để giảm thiểu rủi ro do giá và sản lượng thu mua mang lại.

+ Rủi ro trong thanh toán: Ngoài việc lựa chọn khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán, Công ty đã xem xét kỹ lưỡng các điểm trong các hợp đồng xuất, nhập khẩu trước khi ký kết. Mặt khác, Công ty đã lựa chọn các ngân hàng lớn, hoạt động ổn định và có nhiều kinh nghiệm trong nghiệp vụ thanh toán quốc tế để thực hiện.

+ Rủi ro tín dụng: Trong năm qua, nguồn vốn của ngân hàng đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn kịp thời cho Công ty với lãi suất phù hợp. Công ty đã thanh toán các khoản nợ vay đúng hạn nên mối quan hệ giữa Công ty và các ngân hàng rất tốt, vì vậy Công ty không rơi vào tình trạng thiếu vốn sản xuất.

+ Rủi ro về nguồn nhân lực: Để hạn chế rủi ro do sử dụng nguồn nhân lực không hợp lý, dẫn đến sai sót cả về chiến lược lẫn vận hành trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, lãnh đạo Công ty đã có những chiến lược kinh doanh đúng đắn, sử dụng cán bộ có trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt, đặc biệt là trình độ về ngoại thương. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật cũng như điều hành đội ngũ công nhân trực tiếp thực hiện đúng quy trình, quy phạm trong sản xuất để sản phẩm bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu theo yêu cầu của khách hàng. Tuy hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm hạn chế, nhưng Công ty đã trả tiền công phù hợp với điều kiện và năng suất lao động của người lao động, quan tâm tạo việc làm ổn định để người lao động yên tâm làm việc, Công ty giữ được nguồn lực.

+ Rủi ro về luật pháp :

Để phòng tránh các rủi ro liên quan đến pháp lý, lãnh đạo Công ty luôn nâng cao nhận thức của mình về pháp luật thương mại quốc tế, chủ động tìm hiểu những quy định pháp lý liên quan đến công tác xuất, nhập khẩu để có những đối sách hợp lý trong vấn đề ký kết các hợp đồng ngoại thương.

Thường xuyên theo dõi cập nhật thông tin về pháp luật, thị trường của các quốc gia khác, thu thập thông tin về sự thay đổi của thị trường, pháp lý của các quốc gia đó.

+ Rủi ro về môi trường :

Công ty luôn quan tâm các rủi ro về môi trường và các biện pháp phòng ngừa rủi ro. Khi xảy ra thiệt hại do rủi ro về môi trường phải xác định nguyên nhân khách quan và chủ quan; nếu do nguyên nhân chủ quan phải xác định rõ trách nhiệm bồi thường vật chất từng bộ phận, cá nhân gây nên.

Các sự cố rủi ro về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: môi trường nước phục vụ sản xuất bị ô nhiễm nghiêm trọng, môi trường đất bị ô nhiễm; hệ sinh thái bị ô nhiễm. Trong sản xuất kinh doanh Công ty luôn chú trọng đến việc ô nhiễm môi trường, nước thải ra phải qua hệ thống xử lý đạt yêu cầu trước khi đưa ra môi trường, hạn chế tối thiểu đối với ô nhiễm môi trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong điều kiện nguyên liệu mực trong nước tiếp tục khó khăn, sản lượng khai thác của ngư dân không cung cấp đủ cho sản xuất, Công ty đã thực hiện nhập khẩu mực nguyên liệu bổ sung để duy trì ổn định sản xuất; tuy nhiên sản lượng cũng khiêm tốn, Công ty nhận gia công sản xuất cho đơn vị khác một số sản phẩm nhằm có đủ việc làm cho người lao động, tuy nhiên do mặt hàng mới so với tay nghề nên thu nhập chưa bảo đảm; việc cung cấp sản phẩm để giữ khách hàng và thị trường xuất khẩu chưa được đáp ứng.

Năm 2019 kết quả sản xuất kinh doanh của công ty lỗ, do chưa bảo đảm ổn định được sản xuất, cụ thể:

Về nguyên liệu, Công ty đã thực hiện nhập khẩu nguyên liệu, nhưng chưa bảo đảm được sản lượng nguyên liệu mục để duy trì sản xuất .

Các loại chi phí vật tư, điện nước phục vụ cho sản xuất ổn định.

Ngoài việc bảo đảm tăng tiền lương theo thu nhập thực tế để người lao động yên tâm làm việc, Công ty đã có chính sách hỗ trợ cho công nhân trong các tháng không đủ việc làm để giữ nguồn lực lao động; đồng thời, đã thực hiện các chế độ, chính sách của người lao động theo mức tăng tiền lương tối thiểu vùng của Chính phủ, làm cho chi phí sử dụng lao động ngày càng tăng cao, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thấp.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu là Nhật Bản. Trong năm qua thị trường này đã có những biến động phức tạp về giá cả, nên khâu tiêu thụ sản phẩm của công ty khó khăn; nhưng Công ty đã có sự nỗ lực trong công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm để bảo đảm duy trì được sản xuất.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

+ Tổng doanh thu: 62.213.927.000 VNĐ, đạt 51,8 % kế hoạch năm; đạt 70,4 % so với cùng kỳ năm trước.

+ Giá trị kim ngạch XNK: 2.620.741 USD, đạt 39,7% kế hoạch năm; đạt 47,1% so với cùng kỳ năm trước.

+ Lợi nhuận (sau thuế TNDN): -1.692.442.393 VNĐ.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Tóm tắt lý lịch của Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng .

. Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Quang Tuyên, Chủ tịch HĐQT.

Họ và tên:	NGUYỄN QUANG TUYÊN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12.09.1962
Nơi sinh:	Hàm Tân, Bình Thuận
CCCD số : 060062000022	Ngày cấp : 07.12.2016, tại Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Chợ Mới, An Giang.
Địa chỉ thường trú:	35 Hoàng Dư Khương, Phường 12, Quận 10, Thành

phố Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (0258) 3854311

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

06.1984 – 08.1985 : Trưởng Phòng kế hoạch Công ty thủy sản Cam Ranh.

09.1985 – 08.1991 : Phó Giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh.

09.1991 – 10.2001 : Giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh.

11.2001 – 04.2007 : Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Cam Ranh.

05.2007 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.

Số cổ phần nắm giữ : 204.600 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Nợ với Công ty : (Không)

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: (Không)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: 101.700

Cổ phần nắm giữ: 204.600 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Phó tổng giám đốc: Bà Nguyễn Nhật Quỳnh Liên, thành viên HĐQT.

Họ và tên: NGUYỄN NHẬT QUỲNH LIÊN

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 29.08.1969

Nơi sinh: Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.

CMND số : 225391176 Ngày cấp : 03.07.2010, tại CA Khánh Hòa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.

Địa chỉ thường trú: Xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (0258) 3854312-33

Trình độ học vấn : Đại học.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản.

Quá trình công tác:

07.1996 – 12.1999 : Kỹ thuật chế biến thủy sản - Công ty thủy sản Cam Ranh.

01.2000 – 04.2007 : Phó Quản đốc Nhà máy đông lạnh - Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh.

05.2007 – 07.2008 : Phó giám đốc xí nghiệp thực phẩm - Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

11.2001 – 12.2012 : Phó giám đốc xí nghiệp thực phẩm - Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

01.2013 – 03.2015 : Giám đốc xí nghiệp thực phẩm – Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

04.2015 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ : 24.000 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Nợ với Công ty : (Không)

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : (Không).

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không) .

Cổ phần nắm giữ: 24.000 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Phó tổng giám đốc: Ông Đỗ Trị, thành viên HĐQT.

Họ và tên: ĐỖ TRỊ

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10.4.1961

CMND số : 026060059 Ngày cấp : 12.06.2015, tại TP. Hồ Chí Minh

Nơi sinh: Mộ Đức, Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đức Tân, Mộ Đức, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Phường 9, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (0258) 3854312

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí thủy sản

Quá trình công tác:

02.1990 – 05.1990 : Cán bộ kỹ thuật vận hành Nhà máy đông lạnh thuộc Công ty Thủy sản Cam Ranh.

06.1990 – 08.1999 : Phó quản đốc Nhà máy đông lạnh - Công ty Thủy sản Cam Ranh.

09. 1999 – 10.2001 : Trưởng Phòng kỹ thuật - Công ty Thủy sản Cam Ranh.

11. 2001 – 01.2005 : Trưởng thuật - Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh.

02.2005 – 04.2007 : Thành viên Ban Kiểm soát, Phó giám đốc - Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh.

05.2007 – 03.2015 : Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

04.2015 – 12.2019 : Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc - công ty cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT.

Số cổ phần nắm giữ: 19.200 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Nợ với Công ty : (Không)

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : (Không)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không)

Cổ phần nắm giữ: 19.200 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Kế toán trưởng: Bà Lê Thị Thu Hà,

Họ và tên: LÊ THỊ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 26.08.1963

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa

CMND số : 220315931 Ngày cấp : 01.11.2016 tại CA Khánh Hòa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộ, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (0258) 3854312-22

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

06.1986 - 03.1993 : Kế toán viên - Công ty Thủy sản Cam Ranh

04.1993 -10.2001 : Phó phòng kế toán - Công ty Thủy Sản Cam Ranh.

11.2001 - 04.2007 : Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh

05.2007 - 04.2008 : Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

05.2008 - nay : Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng công ty

Số cổ phần nắm giữ : (không)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)
 Nợ với Công ty : (Không)
 Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : (Không)
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : (Không)
 Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không)

- Những thay đổi trong Ban điều hành: (Không có).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số CBCN trong Công ty (có đến ngày 31.12.2019): 140 người . Trong đó, nam : 41 người; nữ : 99 người.

+ Chính sách đối với người lao động :

Công ty thực hiện trả lương theo phương thức khoán sản phẩm; thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN và BHTT cho cán bộ, công nhân theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tăng lương chính cho người lao động theo Nghị định tăng lương tối thiểu vùng của Chính phủ; đồng thời tăng đơn giá tiền lương để tăng thu nhập cho người lao động, bảo đảm đời sống của họ theo mức tăng giá của thị trường; hỗ trợ tăng đơn giá trong những thời điểm việc làm không ổn định để bảo đảm mức sống cho công nhân, giữ nguồn lực và động viên kịp thời người lao động yên tâm gắn bó với cơ sở làm việc.

1. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: (không có).
 b) Các công ty con, công ty liên kết: (không có).

2. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

(ĐVT : Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	51.667.714.839	37.805.949.896	-26,83%
Doanh thu thuần	88.308.056.246	62.213.927.040	-29,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.461.988.092)	(2.814.831.070)	-48,47%
Lợi nhuận khác	1.300.103.365	1.134.988.642	-12,70%
Lợi nhuận trước thuế	(4.161.884.727)	(1.679.842.428)	-59,64%
Lợi nhuận sau thuế	(4.161.884.727)	(1.692.442.393)	-59,33%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(1.863)	(757)	-59,37%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn</p>	1,91	2,98	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</p>	0,42	0,26	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</p>	4,14	4,20	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</p>	-0,05	-0,03	
	-0,14	-0,06	
	-0,08	-0,04	
	-0,06	-0,05	

3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 2.443.680 cổ phần
- Trong đó cổ phần phổ thông : 2.443.680 cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 2.234.280 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ Công ty:
(không có).

b) Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách cổ đông đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 25/02/2020).

- Cơ cấu cổ đông

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (Đồng)	TỶ LỆ (%)
1	Nhà nước	0	0	0	0
2	Trong Công ty	19	619.480	6.194.800.000	25,35
2.1	Pháp nhân	1	209.400	2.094.000.000	08,57
2.2	Thẻ nhân	18	410.080	4.100.800.000	16,78
3	Ngoài Công ty	112	1.796.100	17.961.000.000	73,50
3.1	Pháp nhân	1	05	50.000	00,00
3.2	Thẻ nhân	111	1.796.095	17.960.950.000	73,50
4	Nước ngoài	02	28.100	281.000.000	1,15
4.1	Pháp nhân	0	0	0	0
4.2	Thẻ nhân	02	28.100	281.000.000	01,15
	Tổng cộng	136	2.443.680	24.436.800.000	100,00

- Cổ đông lớn (5% vốn điều lệ trở lên)

HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	NGHỀ NGHIỆP CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (1000 đồng)	TỶ LỆ (%)
Nguyễn Quang Tuyến	Phường 12, Q.10, p.HCM	Chủ tịch HDQT- TGD	204.600	2.046.000	08,37
Võ Văn Sáu	Cam Lợi, Cam Ranh, KH	Buôn bán	277.680	2.776.800	11,36
Huỳnh Thị Diễm	Ba Ngòi, Cam Ranh, KH	Buôn bán	162.480	1.624.800	6,65

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Không có).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại : 209.400 cổ phiếu;

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm : (Không có).

e) Các chứng khoán khác: (Không có)

4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính của công ty trong năm:

- Lượng nguyên liệu mục để sản xuất: 298,77 Tấn;

- Lượng vật tư bao bì để đóng gói: Bao bì carton các loại: 35.808 cái; PE các loại: 1.640,9 Kg; Dây niềng thùng: 660 Kg.

b) Số lượng phế liệu (phụ phẩm thủy sản) đã bán ra thị trường: 34.475 Kg.

5.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp phục vụ sản xuất trong năm: 2.756.469 KW.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: (Không có).

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: (Không có).

5.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn cung cấp nước: Công ty đã sử dụng nước phục vụ sản xuất từ nguồn cung cấp của Công ty Công trình Đô thị Cam Ranh;

- Lượng nước sử dụng trong năm: 56.517 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng (không có).

5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: (Không có).

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: (không có).

5.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động bình quân: 160 người; mức lương trung bình đối với người lao động: 6.400.000 đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty đã thực hiện các công tác bảo đảm sức khỏe và an toàn cho người lao động như: Khám sức khỏe định kỳ; Đo môi trường lao động để kịp thời khắc phục những nguy cơ mất an toàn cho người lao động; Huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động theo từng đối tượng lao động theo quy định của pháp luật; Các thành viên Đội phòng

chống cháy nổ và CNCH được huấn luyện bởi cơ quan cảnh sát PCCC, đúng quy định của pháp luật; Thực hiện trả tiền ăn giữa ca cho người lao động...

- Trang bị điều kiện môi trường làm việc đạt yêu cầu; cấp đầy đủ bảo hộ lao động theo đúng ngành nghề, có bộ phận giặt là quần áo BHLĐ cho công nhân, vừa bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, vừa bảo đảm vệ sinh an toàn lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc ở công ty.

- Hàng năm, khi sản xuất kinh doanh có hiệu quả, công ty thực hiện chính sách phân phối tiền lương hiệu quả cho người lao động; năm 2019, trong điều kiện không có hiệu quả, nhưng công ty đã chi cho mỗi cán bộ công nhân 2.000.000 đ để ăn tết, nhằm động viên người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty đã thường xuyên tổ chức hướng dẫn, đào tạo công nhân về tay nghề sản xuất các sản phẩm hải sản cao cấp xuất khẩu. Đào tạo nghề theo phương thức tự kèm cặp đối với công nhân phổ thông mới tuyển dụng, bảo đảm cho người lao động gắn bó, làm việc lâu dài ở công ty.

5.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty tham gia các hoạt động ở địa phương và hỗ trợ tài chính khi cần thiết. Ưu tiên nhận người lao động ở Cam Ranh để tạo việc làm cho người lao động địa phương.

5.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (không có)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Đơn vị tính : Đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2019</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.213.927.040
2. Các khoản giảm trừ	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.213.927.040
4. Giá vốn hàng bán	58.731.008.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.482.918.157
6. Doanh thu hoạt động tài chính	380.577.387
7. Chi phí tài chính	274.437.665
8. Chi phí bán hàng	968.394.815

9. Chi phí quản lý Công ty	5.435.494.134
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.814.831.070)
11. Thu nhập khác	1.225.959.094
12. Chi phí khác	90.970.452
13. Lợi nhuận khác	1.134.988.642
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	(1.679.842.428)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.599.965
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.692.442.393)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(757)

Tình hình tiêu thụ năm 2019 ít ổn định vào các tháng cuối năm. Do đó, trong sản xuất Công ty đã kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu nhằm bảo đảm định mức kỹ thuật, giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các mặt hàng có giá trị gia tăng để đẩy mạnh việc tiêu thụ.

Tuy khó khăn, nhưng Công ty đã giải quyết tốt động lực chính trong sản xuất là người lao động; Công ty đã từng bước tăng lương, hỗ trợ lương nhằm bảo đảm đời sống cho CBCN trong Công ty trong những thời điểm sản xuất không ổn định do thiếu nguyên liệu hoặc không có đơn hàng của khách hàng tiêu thụ sản phẩm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

(Theo số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Đồng

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ tăng, giảm
I	Tài sản ngắn hạn	41.419.595.850	28.353.376.540	-31,55%
1	Tiền và các khoản tương đương như tiền	3.748.668.628	8.334.524.982	-122,3%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	7.167.711.929	4.510.622.852	-37,07%
	<i>Tr.đó : Phải thu khách hàng</i>	<i>6.798.894.848</i>	<i>4.141.674.703</i>	<i>-39,08%</i>

3	Hàng tồn kho	27.557.745.349	9.993.168.468	-63,74%
4	Tài sản ngắn hạn khác	945.469.944	515.060.238	-45,52%
II	Tài sản dài hạn	10.248.118.989	9.452.573.356	-7,76%
1	Tài sản cố định	8.945.508.989	8.394.265.901	-6,16%
2	Tài sản dài hạn khác	1.302.610.000	1.058.307.455	-18,75%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	51.667.714.839	37.805.949.896	-26,83%

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2019 là: 37.805.949.896 đồng, giảm 13.861.764.943 đồng so với cuối năm 2018, giảm tương đương -26,83 %.

Trong khi tổng tài sản cuối năm 2019 giảm thì tiền và các khoản tương đương như tiền tăng. Khoản này tăng 4.585.856.354 đồng, tăng tương đương 122,33% so với cuối năm 2018.

Khoản giảm tương đối lớn là hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho cuối năm 2019 giảm mạnh, giảm 17.564.576.881 đồng so với cuối năm 2018, tương đương giảm 63,74 % làm cho tài sản ngắn hạn cuối năm giảm theo. Trong năm công ty tăng cường nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất và dự trữ cho năm 2020. Tuy nhiên do sản lượng đánh bắt cạn kiệt, giá cả cạnh tranh nên công ty mua không đủ sản lượng như kế hoạch làm cho giá trị hàng tồn kho giảm mạnh vào thời điểm cuối năm so với năm 2018.

Khoản giảm tương đối lớn khác là khoản phải thu ngắn hạn, trong đó phải thu khách hàng chiếm tỷ lệ lớn. Cuối năm 2019 khoản phải thu khách hàng giảm 2.657.220.145 đồng, tương đương giảm 39,08 % so với thời điểm cuối năm 2018.

Tài sản ngắn hạn khác cũng giảm. So với cuối năm 2018, khoản này giảm 430.409.706 đồng tương đương giảm 45,52%.

Trong nhiều năm qua, Công ty đã lựa chọn những khách hàng có uy tín và có khả năng tài chính tốt. Chu kỳ thanh toán tiền bán hàng được tính từ khi Công ty chuyển giao sở hữu hàng hóa cho khách hàng cho đến khi khách hàng thanh toán tiền là 30 ngày.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ
I	Nợ phải trả	21.867.797.135	9.709.183.295	-55,60%
1	Nợ ngắn hạn	21.657.797.135	9.499.183.295	-56,14%
	Trong đó: Nợ vay ngân hàng	17.678.205.504	4.226.481.180	-76,09%

2	Nợ dài hạn	210.000.000	210.000.000	
---	------------	-------------	-------------	--

Tổng số nợ Công ty phải trả cuối năm 2019 là: 9.709.183.295 đồng, giảm 12.158.613.840 đồng so với cuối năm 2018, tương đương giảm 55,6 %. Khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm 2019 là 4.226.481.180 đồng chiếm tỷ trọng 43,53% trong tổng số nợ phải trả, giảm 13.451.724.324 đồng tương đương giảm 76,09 %.

Tại thời điểm 31/12/2019, dựa trên các số liệu thể hiện trên Báo cáo tài chính, Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ phải trả.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn : 2,98 lần.

Khả năng thanh toán nhanh : 1,93 lần.

Qua quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019, tình hình tài chính của Công ty ổn định. Công ty thực hiện thanh toán các khoản nợ đúng hạn, khả năng thanh toán nợ ở mức an toàn, không có nợ phải trả xấu.

Trong năm 2019, tỷ giá VND/USD tương đối ổn định nên không có sự biến động mạnh về chênh lệch tỷ giá làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức quản lý, chính sách :

Về nguyên liệu: Tập trung mua và dự trữ nhiều nhất nguyên liệu khi điều kiện cho phép, đồng thời tiếp tục thực hiện phương thức thu mua trực tiếp của ngư dân khai thác, mua nguyên lô hàng để tạo thuận lợi cho người bán, đây là vấn đề quan trọng để bảo đảm chất lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục thực hiện việc nhập khẩu nguyên liệu, điều đó đã góp phần quan trọng cho việc điều tiết ổn định sản xuất của Công ty; khi có đủ nguyên liệu sản xuất thì bảo đảm được việc làm cho CBCN, bảo đảm yêu cầu của khách hàng tiêu thụ sản phẩm.

Về chính sách đối với người lao động: tập trung giữ vững số lao động lành nghề hiện có trên cơ sở từng bước tăng lương, tăng thu nhập, bảo đảm đời sống, việc làm cho họ.

Các biện pháp kiểm soát: định kỳ hàng quý Ban kiểm soát đã triển khai kiểm soát chứng từ kế toán, kịp thời phát hiện điều chỉnh những thiếu sót trong quá trình hành tự.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Triển vọng và kế hoạch tương lai:

Bám sát thực tế biến động để có giải pháp thích hợp. Đây là chủ trương chung vì không thể lường trước được tình hình kinh tế xã hội, cũng như biến động của thời tiết mùa vụ. Tuy nhiên biện pháp chủ yếu:

Củng cố thị trường tiêu thụ đối với khách hàng cũ cũng như mới, tạo mối quan hệ tin cậy, hợp tác tốt hơn.

Tìm thêm nguồn nguyên liệu để dự phòng thiếu hụt từ nhập khẩu nguyên liệu nước ngoài;

Bảo đảm tiền lương thực tế để lực lượng lao động yên tâm, đồng thời với nhiệm vụ tổ chức sản xuất khoa học, hợp lý, phù hợp với điều kiện chung của xã hội.

Nâng cấp một số cơ sở vật chất trong điều kiện cho phép. Điều chỉnh cơ cấu sản xuất từng thời kỳ phù hợp với những biến động của thị trường và tình hình kinh tế xã hội.

Với tinh thần khắc phục khó khăn, kiên trì với những mục tiêu sản xuất và đội ngũ quản lý nhiệt tình, có kinh nghiệm, đưa sản xuất của Công ty đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (không có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Tiêu thụ nước: Công ty đã có hệ thống kiểm soát việc sử dụng nước phục vụ sản xuất, trên cơ sở định mức nước sản xuất, định kỳ hàng tháng, công ty có các thống kê đối chiếu điều chỉnh phù hợp, bảo đảm cho sản xuất tiết kiệm nhất trong chi phí sử dụng nước, hạn chế mức tối thiểu xả thải ra môi trường.

Tiêu thụ năng lượng: chủ yếu là năng lượng điện từ nguồn lưới điện quốc gia. Công ty đã kiểm soát tốt việc sử dụng năng lượng điện để phục vụ sản xuất. Trong việc trang bị hệ thống thiết bị và hệ thống chiếu sáng luôn quan tâm đến việc tiết kiệm điện nhằm bảo đảm chi phí sản xuất, bảo đảm sản phẩm của công ty cạnh tranh được trên thị trường và bảo đảm hiệu quả.

Phát thải: Việc phát thải ra môi trường của công ty bao gồm chất thải rắn, nước thải và khí gaz NH₃. Chất thải rắn và chất thải nguy hại, công ty đã thực hiện hợp đồng tiêu hủy với cơ quan chuyên trách về xử lý môi trường. Nước thải sản xuất được gom vào hệ thống xử lý nước thải của công ty để xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, được cơ quan quản lý môi trường kiểm định thường xuyên và thu phí đầy đủ. Khí thải gaz NH₃ được cơ quan chuyên môn đo, xác định và đánh giá đạt yêu cầu.

Qua các công tác phục vụ kiểm soát việc phát thải ra môi trường công ty luôn quan tâm và thực hiện tốt.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Trong thị trường lao động cạnh tranh hiện nay, để bảo đảm cho người lao động yên tâm làm việc và gắn bó, Công ty thực hiện các chính sách cho người lao động đầy đủ. Thực hiện nghiêm túc việc trả lương và các chính sách BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định. Thực hiện các chính sách động viên cho người lao động khi công ty có hiệu quả. Thực hiện tốt việc bảo đảm sức khỏe và an toàn vệ sinh lao động. Người lao động

làm việc ở công ty luôn gắn bó, nhiệt tình và có những đóng góp quan trọng vào kết quả sản xuất hàng năm của công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Đối với địa phương, ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các chính sách của địa phương, công ty tham gia đầy đủ vào các công việc của địa phương khi được huy động, góp phần vào việc ổn định tình hình kinh tế xã hội. Mặt khác, công ty luôn yêu cầu mọi cán bộ công nhân phải gương mẫu chấp hành các chủ trương chính sách của địa phương và pháp luật trong khi đi lại sinh hoạt và sinh sống trên địa bàn, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự ở địa phương nơi cư trú.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật;

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã phối hợp tốt trong công tác quản lý điều hành Công ty thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019, trong điều kiện sản lượng nguyên liệu mục để sản xuất trong năm hạn chế, có thời điểm công nhân không đủ việc làm và thu nhập khó khăn.

Trong quá trình tổ chức sản xuất, công ty đã tuân thủ các quy định về môi trường, đặc biệt là vấn đề xả thải ra môi trường. Công ty đã đầu tư đúng mức hệ thống xử lý nước thải, tổ chức vận hành nghiêm túc để bảo đảm nguồn nước thải xả ra môi trường đạt yêu cầu, không gây ô nhiễm. Về mặt xã hội, công ty tập trung duy trì sản xuất tốt nhất có thể để bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động góp phần cùng địa phương ổn định tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Ban giám đốc Công ty điều hành đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn, đồng thời phối hợp, quan hệ tốt với các đối tác kinh doanh để hoàn thành các mục tiêu của Hội đồng quản trị đề ra;

Ban giám đốc đã tích cực, chủ động xử lý kịp thời và điều hành những vấn đề phát sinh trong quản lý; tổ chức thực hiện linh hoạt, đồng bộ các giải pháp để tổ chức sản xuất kinh doanh. Đặc biệt trong năm 2019, Công ty khó khăn về sản xuất, nhưng Ban giám đốc đã có những quyết định kịp thời để khắc phục, ổn định được sản xuất, bảo đảm đời sống và việc làm cho cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sản xuất kinh doanh, môi trường và các chính sách đối với người lao động.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Giữ ổn định sản xuất, củng cố và mở thêm thị trường tiêu thụ sản phẩm, giữ mối quan hệ tốt hơn nữa với các đối tác kinh doanh.

Tìm nguồn nguyên liệu để cung cấp đủ cho sản xuất, bảo đảm cung cấp kịp thời nhu cầu sản phẩm cho khách hàng tiêu thụ và duy trì ổn định lực lượng lao động.

Tập trung cho sản xuất thủy sản, đầu tư phát triển sản xuất đối với các ngành nghề mới khi Công ty có đủ điều kiện cho phép.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

(Được trích từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty cổ phần Cafico Việt Nam).

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm mục đích loại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc về sự thay đổi việc ước tính thời gian khấu hao TSCĐ được trình bày tại thuyết minh mục V.6 “Tài sản cố định hữu hình”.

Theo đó, trong năm 2019, công ty đã thay đổi thời gian ước tính sử dụng của TSCĐ dựa trên đánh giá của Ban Tổng giám đốc về cách ước tính thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ. Việc thay đổi này làm giảm chi phí khấu hao của năm 2019 so với năm 2018 là 819.131.270 VND.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này và đăng tại Website: www.cafico.vn).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN QUANG TUYẾN